TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG KHÊ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2019
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Bảo và Ông Trần Xuân Trà.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Thái Nữ Trâm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh xét xử công khai vụ án thụ lý số 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-DS ngày 08/5/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị A, sinh năm 1981; Địa chỉ: Xóm X, xã V, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc B, sinh năm 1973; Địa chỉ: Xóm X, xã V, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/01/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trương Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở được tự do, tự nguyện tìm hiểu, chị A và anh Lê Ngọc B đã tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Vĩnh, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 01/6/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống với nhau tại xóm X, xã V. Vợ chồng sống hòa thuận được khoảng mười năm thì vào đầu năm 2016 xảy ra nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay. Lý do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng có nhiều xung khắc không hợp nhau, chị nhiều lần bị chồng đánh đập, hiện nay chị bị bệnh nan y nhưng chồng

bỏ mặc, không hề quan tâm. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị làm đơn xin ly hôn với anh Lê Ngọc B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, con thứ nhất tên là Lê Ngọc Đ, sinh ngày 16/12/2005; con thứ hai tên là Lê Ngọc T, sinh ngày 26/9/2007, hiện đang ở với chị và đều học tại Trường THCS Phú Gia. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 01 trong 02 con; 01 con giao cho anh B trực tiếp nuôi và không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Lê Ngọc B:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đều tống đạt được trực tiếp cho anh B Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh B không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến của mình. Ngày 21/02/2019, Tòa án đã trực tiếp về địa phương lấy lời khai, anh B trình bày: Về việc kết hôn, thời gian chung sống, thời điểm ly thân và con chung như chị A trình bày. Anh B không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ để vợ chồng nuôi con khôn lớn. Nếu ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết như chị A trình bày.

- *Ý kiến của hai con chung:* Nếu bố mẹ ly hôn, không sống cùng nhau thì nguyện vọng của cháu Lê Ngọc Đ là được sống cùng với mẹ; còn nguyện vọng của cháu Lê Ngọc T được sống cùng với bố.

- *Ý kiến của vị đại diện VKSND huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn không chấp hành đúng thông báo, không có mặt tại Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hôn nhân, chị A và anh B trên cơ sở tự do tự nguyện tìm hiểu đã đi đến kết hôn và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Về tình cảm đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị A được ly hôn với anh B. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Ngọc Đ cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lê Ngọc T cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Chị Trương Thị A có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hương Khê giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Ngọc B có địa chỉ cư trú tại xã V, huyện Hương Khê. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét thấy vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê.

Bị đơn anh Lê Ngọc B hai lần đều trực tiếp nhận được văn bản của Tòa án về mở phiên tòa, nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Ngọc B.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Thị A và anh Lê Ngọc B trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Vĩnh, huyện Hương Khê theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57, Quyển số 01/2004 ngày 01/6/2005, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tổ chức hòa giải hai lần nhưng bị đơn anh B không phối hợp có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế chị A, anh B đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay; chị A có nguyện vọng ly hôn, anh B không đồng ý ly hôn nhưng không có ý thức hòa giải mâu thuẫn, bỏ mặc để bản thân chị Anh bị bệnh tật, một mình nuôi con, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân càng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị A xin được ly hôn với anh B là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị A và anh B có hai con chung là cháu Lê Ngọc Đ, sinh ngày 16/12/2005 và cháu Lê Ngọc T, sinh ngày 26/9/2007 đều đang ở với chị A. Chị A có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng một trong hai con, còn anh B đề nghị trực tiếp nuôi cả hai con và không đề nghị cấp dưỡng. Ý kiến của cháu Đ có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, còn cháu T có nguyện vọng được sống cùng với Bố. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và xét nguyện vọng của các cháu, cần giao con chung đó là cháu Lê Ngọc Đ cho chị A và giao cháu Lê Ngọc T cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị A, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho nhau, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị A là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị A, anh B được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị A được ly hôn với anh Lê Ngọc B.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Ngọc Đ, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2005 cho chị Trương Thị A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con chung Lê Ngọc T, sinh ngày 26/9/2007 cho anh Lê Ngọc B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị A, anh B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở; đồng thời, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của nhau.

3. Về án phí: Chị Trương Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 001370 ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự huyện Hương Khê.

4. Về quyền kháng cáo: Chị A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã V;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- Lưu HS, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng